KẾT QUẢ PHÚC TRA BÀI THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 142 ĐỢT05
(Cập nhật ngày 25/08/2015)

STT	Mssv	Hoten	Msmh	Tenmh	Nhom	KQ phúc tra
1	1410054	Đặng Tuấn Anh	PH1005	Vật lý 2	L01	k ptra
2	1410083	Nguyễn Công Tuấn Anh	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	L01	4.5
3	1410172	Trần Hoàng Ân	MT1005	Giải tích 2	L08	3
4	1410244	Trương Gia Bảo	MT1005	Giải tích 2	L07	0
5	1410387	Nguyễn Quốc Chí	MT1009	Phương pháp tính	L04	1
6	1410436	Lê Quốc Cường	MT1009	Phương pháp tính	A05	2
7	1410860	Nguyễn Hải Đăng	MT1009	Phương pháp tính	A05	6
8	1410903	Lê Bằng Đồng	MT1009	Phương pháp tính	L03	2.5
9	1410952	Nguyễn Trung Đức	MT1009	Phương pháp tính	L04	1
10	1411332	Nguyễn Xuân Hoàng	ME1003	Cơ khí đại cương	L01	5
11	1411476	Nguyễn Thanh Huy	MA1003	Cơ sở khoa học vật liệu	L02	4.5
12	1412231	Lê Đức Mạnh	MT1009	Phương pháp tính	A05	0
13	1412647	Trần Hiền Nhân	AS1003	Cơ lý thuyết	L13	4.5
14	1412826	Mai Đào Thanh Phát	CI1003	Vẽ kỹ thuật	L01	4
15	1412895	Trần Bá Phong	EE1011	Giải tích mạch	L02	8
16	1413181	Trần Anh Quốc	ME1003	Cơ khí đại cương	L01	5
17	1413533	Phạm Ngọc Thái	MT1009	Phương pháp tính	A05	2.5
18	1413978	Kiều Văn Tiến	MT1009	Phương pháp tính	L02	7.5
19	20901300	Nguyễn Ngọc Trung Kiên	202047	Kỹ thuật chế tạo 2	A04	4.5
20	21000501	Trần Văn Duy	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	DT01	3
21	21001275	Trần Hữu Huy	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	DT01	3
22	21003440	Nguyễn Phan Thuận Tĩnh	001004	Đ/lối c/mạng đảng csvn	DT02	4.5
23	21100131	Phạm Trí Anh	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	DT01	3
24	21100246	Trần Minh Bảo	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	DT01	6
25	21103007	Trần Đức Tài	202010	Kỹthuật Thủy Lực&khí Nén	DT01	5
26	21200359	Nguyễn Quốc Chí	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	A01	2.5
27	21201980	Phạm Thanh Long	214010	Đo Lường Ld & Tkế C/việc	A01	2.5
28	21301625	Huỳnh Phú Hưng	210014	Nhiệt động lực học Kt	L08	3.5
29	21303614	Trà Ngọc Thanh	210014	Nhiệt động lực học Kt	L02	7
30	31300011	Lê Hoàng Duy An	210014	Nhiệt động lực học Kt	L08	6.5
31	31301752	Trương Hoàng Khang	006023	Phương pháp tính	L05	2.5
32	31302659	Trương Vũ Khôi Nguyên	210014	Nhiệt động lực học Kt	L08	5.5
33	31304707	Tô Mạnh Tùng	210014	Nhiệt động lực học Kt	L09	6.5
34	41201393	Trần Anh Huy	213714	Cơ học chất lỏng & ứdụng	P01	4
35	51001326	Nguyễn Nam Hùng	503003	PT & Thiết kế giải thuật	A01	2
36	51001866	Hoàng Minh Lương	503003	PT & Thiết kế giải thuật	A01	5
37	51002869	Trần Minh Tâm	503003	PT & Thiết kế giải thuật	A01	5
38	51200978	Trương Triệu Hải	001001	Những NgLý cơbản CN M-Lê	C02	5
39	71102512	Trần Đại Phát	701132	Nguyên lý tài chính	A01	4.5
40	80900449	Nguyễn Văn Dũng	809016	Cơ kết cấu 1	L02	3.5
41	81000660	Hoàng Hải Đăng	810033	Phép chiếu bản đồ	A01	2
42	81002564	Phùng Quang Phước	810033	Phép chiếu bản đồ	A01	0.5
43	81100463	Nguyễn Hùng Cường	810033	Phép chiếu bản đồ	A01	2
44	81102255	Lê Hồng Ngọc	810032	Trắc địa ứng dụng	A01	5
45	81104107	Ngô Thanh Tùng	810014	Kỹ thuật bản đồ số	DT01	1.5
46	81203247	Đoàn Ngọc Tâm	810014	Kỹ thuật bản đồ số	DT01	1.5
47	81203885	Trần Đức Tín	810014	Kỹ thuật bản đồ số	DT01	0
48	81204740	Phan Nguyễn Thiện Nhân	810014	Kỹ thuật bản đồ số	DT01	0
49	81300662	Ngô Thành Dũng	810020	Trắc địa đại cương	L04	5.5
50	81301222	Nguyễn Thị Thu Hiền	810003	Vẽ bản đồ	L01	4.5
51	81301618	Đặng Thịnh Hưng	810003	Vẽ bản đồ	L01	4.5

KẾT QUẢ PHÚC TRA BÀI THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 142 ĐỢT05
(Cập nhật ngày 25/08/2015)

STT	Mssv	Hoten	Msmh	Tenmh	Nhom	KQ phúc tra
52	81303456	Nguyễn Thị Diễm Sương	810020	Trắc địa đại cương	L04	4
53	81307056	Nguyễn Đoàn Duy Khanh	807013	Tổ chức thi công	B02	4.5
54	91204422	Lê Nguyễn Cát Tường	610075	QL chất lượng môi trường	L02	5
55	G0904389	Nguyễn Đỗ Hoàng Nam	210014	Nhiệt động lực học Kt	L08	5
56	G1102914	Đinh Tuấn Sơn	213042	Máy thủy khí	A01	4
57	G1202027	Hoàng Minh Lợi	213003	Cơ học bay 1	A01	3.5
58	G1203142	Đặng Văn Sơn	213042	Máy thủy khí	A01	4.5
59	G1203914	Lê Huy Toàn	213003	Cơ học bay 1	A01	4
60	G1305002	Hà Duyên Bình	213042	Máy thủy khí	L02	4.5
61	V0902388	Trần Trọng Tân	215048	Công nghệ vật liệu mới	A01	5
62	V1100351	Nguyễn Trọng Chánh	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	L03	2.5
63	V1101323	Dương Liên Huy	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	L03	3
64	V1101435	Nguyễn Duy Hùng	006004	Đại số	A01	3
65	V1202441	Lê Hà Nguyên	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	L04	4
66	V1202769	Trần Hữu Phú	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	L03	2
67	V1203873	Nguyễn Trần Trung Tín	610107	Kt môi trường (cn vliệu)	L03	2.5